

Unit 2: THE GENERATION GAP

TEST 1

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from that of the other three in pronunciation in each of the following questions.

Question 1: A. adapt B. ability C. attend D. argument

A. adapt: /ə'dæpt/

B. ability: /ə'bɪləti/

C. attend: /ə'tend/

D. argument: /'ɑ:rgjəmənt/

Question 2: A. honesty B. hire C. honey D. hunt

A. honesty: /'ɒnɪsti/

B. hire: /haɪər/

C. honey: /'hʌni/

D. hunt: /hʌnt/

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of stress in each of the following questions.

Question 3: A. conflict B. freedom C. value D. result

A. conflict: /'kɒnflɪkt/

B. freedom: /'fri:dəm/

C. value: /'vælju:/

D. result: /rɪ'zʌlt/

Question 4: A. influence B. media C. digital D. extended

A. influence: /'ɪnfluəns/

B. media: /'mi:diə/

C. digital: /'dɪdʒɪtl/

D. extended: /ɪk'stendɪd/

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 5: The younger generation is often _____ about how their grandparents lived without modern technology.

A. digital

B. worried

C. curious

D. critical

(Thế hệ trẻ thường _____ về cách mà ông bà họ sống mà không có công nghệ hiện đại.)

A. digital (kỹ thuật số)

B. worried (lo lắng)

C. curious (tò mò)

D. critical (phê phán)

Question 6: To _____ daily arguments, grandparents and grandchildren should make an effort to understand each other's viewpoints and preferences.

A. express

B. avoid

C. expect

D. provide

(Để _____ những cuộc cãi vã hàng ngày, ông bà và cháu nên nỗ lực hiểu quan điểm và sở thích của nhau.)

A. express (biểu lộ)

B. avoid (tránh)

C. expect (mong đợi)

D. provide (cung cấp)

Question 7: Modern technology has influenced the cultural _____ of younger generations, creating a gap with older generations.

A. values

B. conditions

C. differences

D. characteristics

(Công nghệ hiện đại đã ảnh hưởng đến _____ văn hóa của thế hệ trẻ, tạo ra khoảng cách với các thế hệ trước.)

A. values (giá trị)

B. conditions (điều kiện)

C. differences (sự khác biệt)

D. characteristics (đặc điểm)

Question 8: Parents sometimes face _____ with their children about career choices.

A. agree

B. agreeable

C. agreements

D. disagreements

(Cha mẹ đôi khi gặp _____ với con cái về lựa chọn nghề nghiệp.)

A. agree (đồng ý-động từ)

B. agreeable (dễ chịu, đồng ý-tính từ)

C. agreements (sự đồng ý-danh từ)

D. disagreements (sự bất đồng-danh từ)

FACE STH --> DÙNG DANH TỪ

Question 9: Because of the new school policy, students _____ wear uniforms.

A. can

B. should

C. must

D. have to

(Vì chính sách mới của trường, học sinh _____ mặc đồng phục.)

A. can (có thể)

B. should (nên)

C. must (phải)

D. have to (phải)

+ **Must:** Thường được sử dụng để diễn tả sự bắt buộc xuất phát từ người nói, thể hiện quan điểm cá nhân hoặc quyết định cá nhân.

+ **Have to:** Thường được sử dụng để diễn tả sự bắt buộc xuất phát từ hoàn cảnh bên ngoài hoặc quy tắc, luật lệ.

Read the following advertisement/announcement and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 10 to 15.

SUMMER CAMP FOR KIDS

Are you looking for an engaging and (10)_____ experience for your children this summer? Enroll them in our Summer Adventure Camp, where kids aged 7 to 14 can enjoy a variety of activities designed to stimulate their minds and bodies. Our camp offers a unique blend of outdoor adventures, creative arts, and team-building exercises.

Our experienced staff ensures (11)_____ safe and fun environment, where children can develop new

skills and make lasting friendships. The camp runs from July 1st to August 15th, Monday through Friday, 9 AM to 4 PM. Early bird registration is now open, with a special discount for those (12)_____ sign up before May 31st.

Give your children the gift of adventure and personal growth. For more information or to register, visit our website at www.summeradventure.com or call us at (555) 987-6543.

Question 10: **A. educational** **B. funny** **C. terrible** **D. boring**

Bạn đang tìm kiếm một trải nghiệm thú vị và (10) _____ cho con bạn vào mùa hè này?

- A. giáo dục**
- B. hài hước**
- C. kinh khủng**
- D. nhàm chán**

Question 11: **A. a** **B. an** **C. the** **D. Ø (no article)**

Danh từ đếm được, số ít, mới nhắc đến chưa xác định thì dùng a/an

Question 12: **A. whom** **B. who** **C. that** **D. which**

"Those who" được sử dụng để chỉ những người mà... hoặc những ai mà... Nó thường được dùng để mô tả một nhóm người có chung đặc điểm hoặc hành động nào đó, giúp liên kết chủ ngữ với một mệnh đề phụ để cung cấp thêm thông tin về nhóm người được đề cập.

Announcement: PARENT-TEACHER CONFERENCE

Dear Parents,

We are pleased to invite you to our annual Parent-Teacher Conference. This important event is an opportunity for you to meet your child's teachers and discuss their (13)_____ progress, as well as any concerns you may have.

The conference will be held on Wednesday, September 25th, from 3 PM to 7 PM in the school auditorium. To ensure that we can accommodate everyone, please sign up for a time slot in advance. You can do this by visiting our school's website or calling the main office.

We believe that strong communication between parents and teachers is crucial (14)_____ student success. Your involvement and support are greatly appreciated. We look forward (15)_____ you at the conference.

Sincerely,

The School Administration

Question 13: **A. academic** **B. social** **C. personal** **D. physical**

Đây là một sự kiện quan trọng, tạo cơ hội để Quý vị gặp gỡ giáo viên của con em mình và thảo luận về tiến độ (13) _____ của các em.

- A. học tập**
- B. xã hội**
- C. cá nhân**
- D. thể chất**

Question 14: **A. on** **B. for** **C. with** **D. by**

CRUCIAL FOR= QUAN ĐỘNG ĐỐI VỚI

Question 15: A. see

B. to see

C. to seeing

D. seeing

LOOK FORWARD + TO VING=MONG ĐỢI

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct arrangement of the sentences to make a meaningful paragraph/letter in each of the following questions.

Question 16:

- a. This generational gap often leads to misunderstandings and conflicts between parents and their children.
- b. In today's fast-paced world, parents and children frequently struggle to see eye to eye on various issues.
- c. However, with open communication and mutual respect, these differences can be bridged.
- d. The difference in experiences and perspectives between generations is a natural phenomenon.
- e. It is important for both parents and children to make an effort to understand each other's viewpoints.

A. b - a - d - e - c

B. b - d - a - e - c

C. d - b - a - c - e

D. d - a - b - c - e

Câu b (in today's fast-paced world...) nên đặt đầu tiên vì giới thiệu bối cảnh chung về các vấn đề giữa cha mẹ và con cái.

Câu d (the difference in experiences and perspectives...) giải thích về sự khác biệt giữa các thế hệ.

Câu a (this generational gap...) mô tả hệ quả của sự khác biệt.

Câu e (it is important for both parents and children...) nói về tầm quan trọng của việc cố gắng hiểu nhau.

Câu c (however, with open communication...) kết luận với giải pháp để vượt qua những khác biệt.

Question 17:

- a. I believe that understanding and adapting to these changes is crucial for our children's future success.
- b. Dear parents,
- c. thank you for your continued support.
- d. As we navigate the challenges of modern parenting, it is essential to recognize the rapid changes in technology and society.
- e. Together, we can create a supportive environment that fosters growth and learning.

A. b - d - a - e - c

B. b - a - d - c - e

C. b - d - a - c - e

D. b - a - c - d - e

Câu b (dear parents,) là câu mở đầu của một lá thư.

Câu d (as we navigate the challenges...) giới thiệu về bối cảnh và thách thức của việc làm cha mẹ hiện đại.

Câu a (i believe that understanding...) nêu ra tầm quan trọng của việc hiểu và thích nghi với những thay đổi.

Câu e (together, we can create...) nói về việc hợp tác để tạo ra một môi trường hỗ trợ.

Câu c (thank you for your continued support.) là lời kết, cảm ơn sự ủng hộ của phụ huynh.

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 23.

Raising children in today's world presents unique challenges (18)_____. One key aspect of modern parenting is ensuring that children **are happy and healthy**. This means providing not only for their physical needs (19)_____. Parents today must balance work, household responsibilities, and **finding personal time** to create a nurturing environment for their children.

Another important aspect is education. (20) _____, parents need to **monitor** their children's education. This includes not only traditional schooling but also teaching them how to responsibly use digital devices and the internet. Additionally, instilling values such as empathy, respect, and responsibility is crucial for the development of well-rounded individuals.

Furthermore, maintaining open communication between parents and children is essential. Parents should make an effort to understand the perspectives of their children, which can sometimes be vastly different from their own (21)_____. **However**, parents can build a strong relationship with their children based on trust and mutual respect.

Lastly, it is important for parents to take care of themselves as well. **Parenting** can be overwhelming, and parents need to ensure they are in good health (22)_____. This means finding time for self-care, seeking support from friends and family, and sometimes even professional help.

In conclusion, modern parenting requires a comprehensive approach that addresses (23)_____ needs of children. By staying informed and adaptable, parents can successfully navigate the complexities of raising children in the 21st century.

Reference: <https://samgoldstein.com/>

Question 18: **A. that were not faced by previous generations**

- B. that faced with previous generations**
- C. that are not faced by previous generations**
- D. that didn't face with previous generations**

• **A:** "that were not faced by previous generations" (Những thử thách mà các thế hệ trước chưa từng gặp phải)

• **B:** "that faced with previous generations" - sai vì cấu trúc ngữ pháp không đúng (cần loại bỏ "with").

• **C:** "that are not faced by previous generations" - sai vì sử dụng thì hiện tại "are" không phù hợp cho bối cảnh quá khứ.

• **D:** "that didn't face with previous generations" - sai vì cấu trúc ngữ pháp không đúng (cần loại bỏ "with").

Question 19: **A. but also for their emotional and mental well-being**

- B. in order to be for their emotional and mental well-being**
- C. between for their emotional and mental well-being**
- D. for their emotional and mental well-being**

• **A:** "but also for their emotional and mental well-being" (mà còn cho sự an lành cảm xúc và tinh thần của họ) - cấu trúc "not only... but also" = không chỉ những.....mà còn.....

• **B:** "in order to be for their emotional and mental well-being" - sai vì cấu trúc câu không tự nhiên, không đúng về nghĩa

• **C:** "between for their emotional and mental well-being" - sai vì cấu trúc "between....and..." không phù hợp, không đúng về nghĩa

• **D:** "for their emotional and mental well-being" - sai vì thiếu phần "but also" để kết hợp đúng cấu trúc.

Question 20: **A. With the technology of rapid advancement**

- B. With the rapid advancement of technology**
- C. Being rapid advancement of technology**
- D. Though the advancement of technology is rapid**

• **A:** "With the technology of rapid advancement" - sai vì cấu trúc câu và trật tự từ không tự nhiên.

- **B:** "With the rapid advancement of technology" (Với sự tiến bộ nhanh chóng của công nghệ) - đúng vì cấu trúc ngữ pháp và ý nghĩa phù hợp.
- **C:** "Being rapid advancement of technology" - sai vì cấu trúc ngữ pháp không đúng.
- **D:** "Though the advancement of technology is rapid" - sai vì nghĩa không phù hợp với ngữ cảnh, sai nghĩa

Question 21: A. with the generational gap

B. because the generational gap

C. due to the generational gap

D. because of the gap is generational

- **A:** "with the generational gap" - sai vì cấu trúc ngữ pháp không đúng (cần "due to").
- **B:** "because the generational gap" - sai vì cấu trúc không hoàn chỉnh (cần thêm "of").
- **C:** "due to the generational gap" (do khoảng cách thế hệ) - đúng vì cấu trúc "due to" + N diễn tả lý do.
- **D:** "because of the gap is generational" - sai vì cấu trúc ngữ pháp không đúng (because of + N)

Question 22: A. to be able to support their children effectively

B. the ability to support their children effectively

C. effectively able to support their children

D. being able to support their children effectively

- **A:** "to be able to support their children effectively" (để có thể hỗ trợ con cái một cách hiệu quả) - đúng vì cấu trúc ngữ pháp và ý nghĩa phù hợp.
- **B:** "the ability to support their children effectively" - sai vì thiếu phần động từ chính và kết hợp về phía trước thì lại không đúng ngữ pháp.
- **C:** "effectively able to support their children" - sai vì cấu trúc từ không tự nhiên, không liên kết được với ý phía trước về mặt ngữ pháp.
- **D:** "being able to support their children effectively" - sai vì cần dùng "to do" để diễn tả ý "để mà"

Question 23: A. neither the traditional nor contemporary

B. both the traditional and contemporary

C. either the traditional or contemporary

D. the traditional or contemporary

- **A:** "neither the traditional nor contemporary" - sai vì nghĩa phủ định không phù hợp với ngữ cảnh tích cực của câu.
- **B:** "both the traditional and contemporary" (cả nhu cầu truyền thống và hiện đại) - đúng vì cấu trúc "both... and..." diễn tả hai yếu tố cùng tồn tại.
- **C:** "either the traditional or contemporary" - sai vì nghĩa không đủ bao quát (chỉ một trong hai).
- **D:** "the traditional or contemporary" - sai vì thiếu "both" để tạo thành cấu trúc hoàn chỉnh.

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 24 to 28.

Conflict can happen when family members have different (24)_____ or beliefs that clash. Sometimes conflict can occur when people misunderstand each other and jump to the wrong conclusion. Issues of conflict that are not resolved peacefully can lead to arguments and resentment. It is normal to disagree with

each other from time to time. Occasional conflict is part of family life. (25)_____, ongoing conflict can be stressful and damaging to relationships. (26)_____ people find it difficult to manage their feelings and become intentionally hurtful, aggressive or even violent. Communicating in a positive way can help (27)_____ conflict so that family members can reach a peaceful resolution. This usually means that everyone agrees to a compromise or agrees to disagree. Sometimes, strong emotions or the power imbalances (28)_____ can be present in relationships are difficult to resolve and can only be addressed in a counselling situation.

Adapted from <https://www.betterhealth.vic.gov.au/>

Question 24: A. aims B. changes **C. views** D. natives

Xung đột có thể xảy ra khi các thành viên trong gia đình có (24) _____ hoặc niềm tin khác nhau và xung đột với nhau.

- A. aims (mục tiêu)
- B. changes (sự thay đổi)
- C. views (quan điểm)
- D. natives (người bản địa)

Question 25: **A. However** B. Therefore C. Moreover D. Furthermore

Xung đột thỉnh thoảng là một phần của cuộc sống gia đình. (25) _____, xung đột liên tục có thể gây căng thẳng và tổn hại cho các mối quan hệ.

- A. However (Tuy nhiên)
- B. Therefore (Vì vậy)
- C. Moreover (Hơn nữa)
- D. Furthermore (Hơn nữa)

Question 26: A. Each **B. Some** C. Much D. All

(26) _____ người cảm thấy khó khăn trong việc quản lý cảm xúc của mình và trở nên cố tình gây tổn thương, hung hăng hoặc thậm chí bạo lực.

- A. Each (Mỗi)
- B. Some (Một số)
- C. Much (Nhiều)
- D. All (Tất cả)

Question 27: A. increase B. include C. accept **D. reduce**

Giao tiếp tích cực có thể giúp (27) _____ xung đột để các thành viên trong gia đình có thể đạt được một giải pháp hòa bình.

- A. increase (tăng)
- B. include (bao gồm)
- C. accept (chấp nhận)
- D. reduce (giảm)

Question 28: A. whose B. whom **C. that** D. when

Dùng "that" làm đại từ quan hệ thay cho danh từ chỉ vật.

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions from 29 to 33.

In today's digital age, the question of whether parents should limit screen time for children has become a significant topic of discussion. There are compelling arguments on both sides. On one hand, excessive

screen time has been linked to various health issues. It can lead to a **sedentary lifestyle**, contributing to obesity and poor posture. Additionally, exposure to screens, especially before bedtime, can disrupt sleep patterns due to the blue light emitted by electronic devices. Poor sleep can adversely affect a child's mood, memory, and learning abilities. Thus, limiting screen time can help promote better physical health and sleep hygiene.

Mental health and social skills are also areas of concern. Excessive screen time, particularly on social media platforms, has been associated with increased levels of anxiety and depression in children. The constant comparison with peers can lead to feelings of inadequacy and low self-esteem. Moreover, spending too much time on screens can hinder the development of essential social skills, as face-to-face interactions are crucial for learning effective communication and empathy. By setting screen time limits, parents can encourage their children to engage more in interpersonal activities, which fosters healthy social development and reduces the risk of mental health issues.

Technology offers numerous benefits when used appropriately. It provides educational resources, interactive lessons, and opportunities to develop essential digital skills that are crucial in today's world. Rather than imposing strict limits, parents can focus on guiding their children towards high-quality content and promoting a balanced approach to screen time. This involves integrating physical activities, social interactions, and academic pursuits into their daily routines. By maintaining open communication and understanding their children's needs, parents can help **them** develop a healthy relationship with technology, ensuring that screen time is both productive and beneficial.

Reference: Avosmart

Question 29: What would be the best title for the passage?

- A. The Benefits and Drawbacks of Screen Time for Children**
- B. The Importance of Limiting Screen Time for Children
- C. How to Monitor Your Child's Screen Time
- D. The Effects of Blue Light on Sleep Patterns

Tiêu đề nào là phù hợp nhất cho đoạn văn?

- A. Những lợi ích và hạn chế của thời gian sử dụng màn hình đối với trẻ em**
- B. Tầm quan trọng của việc giới hạn thời gian sử dụng màn hình đối với người lớn
- C. Cách giám sát thời gian sử dụng màn hình của con bạn
- D. Tác động của ánh sáng xanh đối với giấc ngủ

Đoạn văn này thảo luận cả hai mặt của việc giới hạn thời gian sử dụng màn hình cho trẻ em, nêu rõ các tác động tiêu cực và tích cực.

Question 30: What does the phrase "**sedentary lifestyle**" in the passage mostly mean?

- A. A lifestyle with regular physical activity
- B. A lifestyle with minimal physical activity**
- C. A lifestyle focused on outdoor activities
- D. A lifestyle involving healthy eating habits

Cụm từ "lối sống ít vận động" trong đoạn văn chủ yếu có nghĩa là gì?

- A. Một lối sống với hoạt động thể chất thường xuyên**
- B. Một lối sống với ít hoạt động thể chất
- C. Một lối sống tập trung vào các hoạt động ngoài trời
- D. Một lối sống liên quan đến ăn uống lành mạnh

"It can lead to a sedentary lifestyle, contributing to obesity and poor posture."

"Nó có thể dẫn đến lối sống ít vận động, góp phần gây béo phì và tư thế xấu."

Question 31: What mental health issues are associated with excessive screen time according to the passage?

- A. worry and low self-esteem**
- B. depression and empathy
- C. obesity and poor posture
- D. poor sleep and memory loss

Các vấn đề sức khỏe tinh thần nào được liên kết với thời gian sử dụng màn hình quá mức theo đoạn văn?

- A. Lo lắng và tự ti
- B. Trầm cảm và đồng cảm
- C. Béo phì và tư thế xấu
- D. Giấc ngủ kém và mất trí nhớ

"Excessive screen time, particularly on social media platforms, has been associated with increased levels of anxiety and depression in children."

"Thời gian sử dụng màn hình quá mức, đặc biệt trên các nền tảng mạng xã hội, đã được liên kết với mức độ lo lắng và trầm cảm tăng cao ở trẻ em."

Question 32: What is NOT mentioned as a challenge faced by children due to excessive screen time?

- A. increased levels of anxiety
- B. feelings of inadequacy
- C. improved communication skills
- D. hindered social skills development

Thách thức nào KHÔNG được đề cập là trẻ em phải đối mặt do thời gian sử dụng màn hình quá mức?

- A. Mức độ lo lắng tăng cao
- B. Cảm giác tự ti
- C. Kỹ năng giao tiếp được cải thiện
- D. Phát triển kỹ năng xã hội bị cản trở

"Excessive screen time, particularly on social media platforms, has been associated with increased levels of anxiety and depression in children."

"Thời gian sử dụng màn hình quá mức, đặc biệt trên các nền tảng mạng xã hội, đã được liên kết với mức độ lo lắng và trầm cảm tăng cao ở trẻ em."

B. "The constant comparison with peers can lead to feelings of inadequacy and low self-esteem."

"Sự so sánh liên tục với bạn bè có thể dẫn đến cảm giác tự ti và lòng tự trọng thấp."

D. "Moreover, spending too much time on screens can hinder the development of essential social skills."

"Hơn nữa, dành quá nhiều thời gian trên màn hình có thể cản trở sự phát triển của các kỹ năng xã hội thiết yếu."

Question 33: What does the word “them” in paragraph 3 refer to?

- A. parents
- B. children
- C. activities
- D. routines

"By maintaining open communication and understanding their children's needs, parents can help them develop a healthy relationship with technology, ensuring that screen time is both productive and beneficial."

*"Bằng cách duy trì giao tiếp mở và hiểu nhu cầu của con cái, cha mẹ có thể giúp **chúng** phát triển một mối quan hệ lành mạnh với công nghệ, đảm bảo rằng thời gian sử dụng màn hình vừa mang tính sản xuất vừa có lợi."*

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions from 34 to 40.

Over the past two centuries different generations were born and given different names. Among these, Generations X, Y, and Z stand out, each characterized by specific experiences, values, and perspectives.

Generation X, born between the mid-1960s and early 1980s, grew up during a period of significant social and economic change. They witnessed the transition from analog to digital technology and often had to adapt quickly to the advent of the internet and mobile phones. Known for their independence, resilience, and pragmatic approach to life, Gen Xers are often seen as the bridge between the more traditional Baby Boomers and the tech-savvy Millennials. They value work-life balance and tend to be **skeptical** of authority, having grown up during a time of political upheaval and corporate downsizing.

Generation Y, or Millennials, born between the early 1980s and mid-1990s to early 2000s, came of age during the rise of the internet and social media. This generation is often characterized by its comfort with digital technology and its propensity for social and environmental activism. Millennials value purpose and meaning in their work and personal lives, often prioritizing experiences over material possessions. They are also known for their collaborative spirit and desire for immediate feedback, influenced by the rapid pace of technological advancements and the pervasive presence of social media.

Generation Z, born from the mid-1990s to early 2010s, is the first generation to grow up in a fully digital world. This generation is highly connected, with smartphones and social media being **integral** parts of their daily lives from a young age. Gen Z is marked by its entrepreneurial spirit, strong social consciousness, and desire for authenticity. They are pragmatic, financially minded, and highly adaptive to new technologies. Growing up amid economic uncertainty and global challenges such as climate change, they tend to be more cautious and pragmatic than their Millennial predecessors.

Despite the differences, these generations share common ground in their adaptability and drive for positive change. Generation X's experience and resilience, combined with Generation Y's innovative and collaborative approach, and Generation Z's digital fluency and social consciousness, create a dynamic interplay that can drive society forward. For organizations and communities, understanding these generational traits is vital for creating inclusive environments **that** leverage the strengths of each group.

Reference: <https://www.pace.edu.com>

Question 34: What would be the best title for the passage?

- A. The Evolution of Generations Over Two Centuries
- B. The Impact of Technology on Different Generations
- C. Understanding Generations X, Y, and Z
- D. The Future of Intergenerational Cooperation

Tiêu đề nào là phù hợp nhất cho đoạn văn?

- A. Sự tiến hóa của các thế hệ qua hai thế kỷ
- B. Ảnh hưởng của công nghệ đối với các thế hệ khác nhau
- C. Hiểu biết về các thế hệ X, Y và Z
- D. Tương lai của sự hợp tác giữa các thế hệ

Đoạn văn tập trung vào việc mô tả và hiểu về các thế hệ X, Y và Z, những đặc điểm và giá trị của họ.

Tài liệu phát hành trên website Tailieuchuan.vn

Question 35: What does the word "skeptical" in paragraph 2 mean?

- A. accepting
- B. boubtful
- C. confident
- D. curious

Từ "skeptical" trong đoạn 2 có nghĩa là gì?

- A. Chấp nhận
- B. Nghi ngờ
- C. Tự tin
- D. Tò mò

"They value work-life balance and tend to be skeptical of authority."

"Họ coi trọng sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống và có xu hướng hoài nghi về quyền lực."

Question 36: The word "**integral**" in paragraph 4 is opposite in meaning to _____.

- A. essential B. minor C. optional D. separate

Từ "integral" trong đoạn 4 trái nghĩa với từ _____.

- A. Thiết yếu
B. Nhỏ bé
C. Tùy chọn
D. Tách biệt

"This generation is highly connected, with smartphones and social media being integral parts of their daily lives from a young age."

"Thế hệ này được kết nối cao, với điện thoại thông minh và mạng xã hội là một phần không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày của họ từ khi còn trẻ."

Question 37: Which of the following is NOT stated as a characteristic of Generation Z?

- A. Entrepreneurial spirit B. Strong social consciousness
C. Preference for traditional media D. Highly adaptive to new technologies

Điều nào sau đây KHÔNG được nêu là đặc điểm của Thế hệ Z?

- A. Tinh thần khởi nghiệp
B. Ý thức xã hội mạnh mẽ
C. Ưu tiên phương tiện truyền thông truyền thống
D. Thích nghi cao với các công nghệ mới

A. "Gen Z is marked by its entrepreneurial spirit, strong social consciousness, and desire for authenticity."

"Thế hệ Z được đánh dấu bởi tinh thần khởi nghiệp, ý thức xã hội mạnh mẽ và khao khát sự chân thật."

B. "Gen Z is marked by its entrepreneurial spirit, strong social consciousness, and desire for authenticity."

"Thế hệ Z được đánh dấu bởi tinh thần khởi nghiệp, ý thức xã hội mạnh mẽ và khao khát sự chân thật."

D. "They are pragmatic, financially minded, and highly adaptive to new technologies."

"Họ thực dụng, có tư duy tài chính và thích nghi cao với các công nghệ mới."

Question 38: The word "**that**" in paragraph 5 refers to _____.

- A. inclusive environments B. generational traits
C. organizations D. communities

Từ "that" trong đoạn 5 ám chỉ _____.

- A. môi trường hòa nhập
B. đặc điểm thế hệ
C. tổ chức
D. cộng đồng

"For organizations and communities, understanding these generational traits is vital for creating inclusive environments that leverage the strengths of each group."

"Đối với các tổ chức và cộng đồng, việc hiểu rõ những đặc điểm thế hệ này là rất quan trọng để tạo ra môi trường bao gồm tận dụng các thế mạnh của mỗi nhóm."

Question 39: According to the passage, what makes Generation X unique compared to other generations?

A. Their preference for material possessions

B. Their skepticism of authority

C. Their complete reliance on digital technology

D. Their avoidance of social activism

Theo đoạn văn, điều gì làm cho Thế hệ X đặc biệt so với các thế hệ khác?

A. Sự ưu tiên của họ đối với tài sản vật chất

B. Sự hoài nghi của họ về quyền lực

C. Sự phụ thuộc hoàn toàn của họ vào công nghệ kỹ thuật số

D. Sự tránh né của họ đối với hoạt động xã hội

"They value work-life balance and tend to be skeptical of authority, having grown up during a time of political upheaval and corporate downsizing."

"Họ coi trọng sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống và có xu hướng hoài nghi về quyền lực, đã lớn lên trong thời kỳ biến động chính trị và thu hẹp doanh nghiệp."

Question 40: It can be inferred from the passage that _____.

A. each generation faces unique challenges and opportunities

B. generation Y is not comfortable with digital technology

C. generation Z has less entrepreneurial spirit than other generations

D. generation X has no significant influence on modern society

Có thể suy ra từ đoạn văn rằng _____.

A. Mỗi thế hệ đối mặt với những thách thức và cơ hội độc đáo

B. Thế hệ Y không thoải mái với công nghệ kỹ thuật số

C. Thế hệ Z có ít tinh thần khởi nghiệp hơn các thế hệ khác

D. Thế hệ X không có ảnh hưởng đáng kể đến xã hội hiện đại

"Despite the differences, these generations share common ground in their adaptability and drive for positive change."

"Mặc dù có những khác biệt, nhưng các thế hệ này có điểm chung là khả năng thích nghi và động lực cho sự thay đổi tích cực."